

**DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC XÉT DUYỆT HƯỞNG CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THEO NGHỊ ĐỊNH
SỐ 66/2025/NĐ-CP NGÀY 12/3/2025 CỦA CHÍNH PHỦ, NĂM HỌC 2025-2026
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ HỒNG PHONG**

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: thôn, xã	Đối tượng hưởng			Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/tháng (đồng)	Gạo được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn được hỗ trợ/Năm (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/Năm (đồng)	Gạo được hỗ trợ /Năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở địa hình cấp trứ, giao thông đi lại khó khăn (1)	Con hộ nghèo (1)									
1	Lê Ngọc Thùy Trang	x	03/08/2019	1A	Kinh	Thôn Rooc Mẹt, Xã Đăk Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
2	Trương Thành Nam		31/05/2019	1A	Kinh	Thôn Đăk Xanh, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
3	Phạm Thùy Chi	x	18/07/2019	1B	Kinh	Thôn Đăk Bể, Xã Ngọc Linh	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
4	Phạm Thùy Dung	x	07/09/2018	2A	Kinh	Thôn Đăk Ga, xã Đăk Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
5	Bùi Thị Ngọc Bình	x	21/08/2018	2A	Kinh	Thôn Đăk Nhoong, xã Đăk Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
6	Nguyễn Uyên Thư	x	17/10/2018	2A	Kinh	Thôn Đông Lốc, xã Đăk Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
7	A Hoàng Hiền		04/10/2018	2A	Hà Lăng	Thôn Long Nang , xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
8	Hoàng Thị Tường Vy	x	11/05/2018	2A	Kinh	Thôn Tân Đum, Xã Xốp	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
9	Vì Nguyễn Quốc Tuấn		20/02/2018	2A	Thái	Thôn Thanh Xuân, Xã Ialy	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
10	Y Huệ	x	26/08/2018	2B	Hà Lăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
11	Y Mỹ Duyên	x	07/08/2018	2B	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
12	A Thiên Phúc		13-05-2018	2B	Giê - Triêng	Thôn Đăk Ung, xã Đăk Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
13	Y Yên Chi	x	25/06/2018	2D	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
14	Y Dung Chy	x	12/03/2018	2D	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
15	A Vương Thiên Di		04/04/2018	2D	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
16	Y Ding	x	03/10/2012	2D	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
17	Y Dương	x	12/7/2015	2D	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
18	Y Huyền Lệ	x	11/11/2018	2D	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
19	Y Thị Ngân	x	17/02/2018	2D	Dê	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
20	A Gia Nghĩa		17/12/2012	2D	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
21	Y Như Nguyễn	x	09/10/2018	2D	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
22	Võ Thị Xuân Nhi	x	12/11/2018	2D	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
23	Y Xi Ni	x	21/12/2018	2D	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
24	A Phúc		04/10/2018	2D	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
25	Y Thanh	x	24/06/2018	2D	Tà Rẻ	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
26	Y Thảo	x	24/06/2018	2D	Tà Rẻ	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
27	A Thân		06/10/2016	2D	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
28	A Dương Thê		15/08/2018	2D	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
29	Y Thiết	x	08/9/2017	2D	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
30	Y Mai Tho	x	29-06-3017	2D	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
31	A Thôn		31/07/2018	2D	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
32	A Văn Tiến		29/01/2018	2D	Dê	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
33	Y Thủy Trang	x	10/11/2018	2D	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
34	Y Bảo Trân	x	30/01/2018	2D	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: thôn, xã	Đối tượng hưởng			Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/tháng (đồng)	Gạo được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn được hỗ trợ/Năm (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/Năm (đồng)	Gạo được hỗ trợ /Năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (1)	Con hệ nghèo (1)									
35	Y Triêm	x	07/03/2018	2D	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
36	Y Mỹ Trinh	x	28/03/2018	2D	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
37	Y Huyền Thư	x	04/04/2018	2D	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
38	Y Đình Vâng	x	01/02/2017	2D	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
39	A Đông Chun		13/09/2017	3A	Hà lăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
40	A Khôi		07-11-2017	3A	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
41	Y Linh	x	07-04-2017	3A	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
42	A Nhiên		13/02/2016	3A	Dê Triêng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
43	A Mê Nồng		10-10-2017	3A	Hà lăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
44	A Minh Trí		28/04/2017	3A	Dê	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
45	A Lê Thư		26/05/2017	3A	Hà lăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
46	Hoàng Minh Trí		28/04/2017	3A	Kinh	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
47	Đình Tuấn Phong		09/07/2017	3A	Gié - Triêng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
48	Y Thanh Hương	x	01/07/2017	3B	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
49	Y Ngọc Lan	x	12/02/2017	3B	Dê	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
50	Y Mỹ Nhân	x	15/02/2017	3B	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
51	A Quỳnh		07/9/2016	3B	Hà Lăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
52	Y Tuyên Thơ	x	03/04/2017	3B	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
53	A Nê Tinh		08/01/2017	3B	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
54	Y Li Nùng	x	15/08/2017	3B	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
55	A Cương		09-07-1917	3C	Hà Lăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
56	A Hoàng Kiểm		15/03/2017	3C	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
57	Y Tiên Thâu	x	15/08/2017	3C	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
58	Vũ Duy Phong		28/06/2017	3C	Mường	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
59	Nguyễn Hoàng Chính		15/12/2017	3C	Kinh	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
60	A Riêng		03/12/2017	3C	Hà Lăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
61	A Si Bằng		11/9/2016	4A	Hà Lăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
62	Y Nương	x	06/12/2016	4A	Hà Lăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
63	A Phi Nhuận		27/10/2016	4A	Hà Lăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
64	Y Sơ Nê	x	06/11/2016	4A	Hà Lăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
65	A An Thiện		11/10/2016	4A	Hà Lăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
66	A Thê Rưn		07/9/2016	4A	Hà Lăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
67	Y Doãn Xuyên	x	30/11/2016	4A	Gié - Triêng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
68	A Xu Bin		15/7/2016	4A	Gié - Triêng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
69	Tạ Quang Huy		02/11/2016	4A	Kinh	Thôn Kon Bơi, xã Xốp	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
70	Lê Ngọc Anh Thư	x	28/04/2016	4A	Kinh	Thôn Roóc Mệt, xã Đăk Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
71	A Hoàng Tiến		28/8/2015	4B	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
72	Y Hinh	x	12/08/2015	4C	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
73	Y Cúc	x	24/12/2014	5A	Hà Lăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
74	Y Ny Diễm	x	23/03/2015	5A	Hà Lăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: thôn, xã	Đối tượng hưởng			Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/tháng (đồng)	Gạo được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn được hỗ trợ/Năm (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/Năm (đồng)	Gạo được hỗ trợ /Năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (1)	Con hệ nghèo (1)									
75	A Huyền Diệu		26/04/2015	5A	Hà Lãng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
76	Y Bảo Duyên	x	25/07/2015	5A	Hà Lãng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
77	Y Loan	x	25/05/2015	5A	Hà Lãng	Thôn Đăk Tung, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
78	Nguyễn Đình Minh Khôi		10/08/2015	5A	Kinh	Thôn Đông Lốc, xã Đăk Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
79	Phạm Thuỳ Linh	x	16/03/2015	5A	Kinh	Thôn Đăk Bể, xã Ngọc Linh	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
80	Y Như Nguyệt	x	11/11/2015	5B	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
81	Y Phi Nhuyễn	x	25/02/2015	5B	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
82	A Nô Phi		01/10/2014	5B	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
83	Y Phẩm	x	31/05/2015	5B	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
84	Y Lệ Như	x	20/04/2015	5B	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
85	Trần Ngô Bảo Anh	x	15/12/2015	5B	Kinh	Thôn Đăk Tung, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
86	Hoàng Bảo Ngân	x	5/05/2025	5B	Kinh	Thôn Măng Khên, xã Đăk Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
87	Nguyễn Đăng Ngọc Hân	x	29-06-2015	5C	Kinh	Thôn Xốp Dùi, xã Xốp	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
88	Phạm Đức Nhân		01-01-2010	5C	Kinh	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
89	A Phâu		01-01-2012	5C	Xơ-đăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
90	Y Phía	x	01-01-2010	5C	Xơ-đăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
91	A Thâm		25-01-2015	5C	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
92	A Dương Thịnh		08-03-2015	5C	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
93	A Đình Phong		19-03-2015	5C	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
94	Y Ly Sang	x	15-02-2015	5C	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
95	A Thầu		25-09-2015	5C	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
96	A Duy Thuận		01-03-2015	5C	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
97	A Mìn Hưng		10-09-2015	5C	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
98	A Việt Trung		20-11-2015	5C	Xơ-đăng	Thôn Long Nang, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
Tổng							98	-	-	-	91.728.000	35.280.000			825.552.000	317.520.000	13.230	

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC XÉT DUYỆT HƯỞNG CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THEO NGHỊ ĐỊNH
SỐ 66/2025/NĐ-CP NGÀY 12/3/2025 CỦA CHÍNH PHỦ, NĂM HỌC 2025-2026
TRƯỜNG TIỂU HỌC VÕ THỊ SÁU

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: thôn, xã	Đối tượng hưởng			Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/tháng (đồng)	Gạo được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn được hỗ trợ/Năm (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/Năm (đồng)	Gạo được hỗ trợ /Năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở địa hình cấp trờ; giao thông đi lại khó khăn (1)	Con hộ nghèo (1)									
1	Y Minh Thư	x	14/12/2018	2A	Gié - Triêng	Thôn Đăk Ôn, xã Đăk Long	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
2	A Minh Thiện		10/10/2017	3B	Gié - Triêng	Thôn Đăk Tung, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
3	A Thiên Trúc		04/09/2015	5C	Xơ Đăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
Tổng							3				2.808.000	1.080.000			25.272.000	9.720.000	405	

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC XÉT DUYỆT HƯỞNG CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THEO NGHỊ ĐỊNH
SỐ 66/2025/NĐ-CP NGÀY 12/3/2025 CỦA CHÍNH PHỦ, NĂM HỌC 2025-2026
TRƯỜNG TIỂU HỌC KIM ĐỒNG

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: thôn, xã	Đối tượng hưởng			Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/tháng (đồng)	Gạo được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn được hỗ trợ/Năm (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/Năm (đồng)	Gạo được hỗ trợ /Năm (kg)
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở địa hình cấp trở, giao thông đi lại khó khăn (1)	Con hộ nghèo (1)								
1	Phạm Bá Phú		16/04/2019	1A	Kinh	Thôn Măng Khên, xã Đăk Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
2	Y Diễm Thủy	x	20/06/2019	1B	Gié - Triêng	Thôn Đăk Nớ, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	10	9.360.000	3.600.000	150
3	Y Thủy Trúc	x	07/05/2019	1B	Gié - Triêng	Thôn Đăk Nớ, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	10	9.360.000	3.600.000	150
4	A Thắm		19/02/2019	1C	Gié - Triêng	Thôn Đăk Nớ, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	10	9.360.000	3.600.000	150
5	Y Ngọc Thủy	x	19/09/2019	1E	Gié - Triêng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	10	9.360.000	3.600.000	150
6	Thái Khả Hân	x	31/10/2018	2A	Kinh	Thôn Măng Khên, xã Đăk Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
7	Nguyễn Hoàng Sơn		20/11/2018	2A	Kinh	Thôn Đăk Nhoong, Xã Đăk Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
8	A An		17/12/2018	2A	Gié - Triêng	Thôn Đăk Nớ, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
9	Y Diệc	x	08/09/2018	2A	Gié - Triêng	Thôn Đăk Nớ, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
10	A Thiện		05/05/2018	2A	Gié - Triêng	Thôn Đăk Nớ, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
11	Y Như An	x	19/11/2018	2A	Gié - Triêng	Thôn Đông Lốc, xã Đăk Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
12	Trương Khải Doanh	x	22/03/2018	2B	Kinh	Thôn Dùi, xã xã Xốp	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
13	Lê Khôi Nguyên		26/10/2018	2B	Kinh	Thôn Lua, xã xã Xốp	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
14	A Thiện Vũ		14/12/2018	2B	Hà Lăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
15	Y Ngô Tâm An	x	23/07/2018	2B	Gié - Triêng	Thôn Măng Khên, xã Đăk Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
16	Y Như Ý	x	27/01/2018	2C	Gié - Triêng	Thôn Đăk Nớ, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
17	A Điều		11/08/2018	2C	Gié - Triêng	Thôn Đăk Nớ, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
18	Y Diệp Mi	x	20/01/2018	2C	Gié - Triêng	Thôn Đăk Nớ, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
19	A Mìn		19/06/2018	2C	Gié - Triêng	Thôn Đăk Nớ, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
20	Y Nôi	x	26/07/2018	2D	Gié - Triêng	Thôn Đăk Nớ, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
21	A Đam		05/02/2017	2D	Gié - Triêng	Thôn Đăk Nớ, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
22	A Ân Tự		13/09/2018	2E	Gié - Triêng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
23	A Minh Tài		13/10/2017	3A	Gié - Triêng	Thôn Đăk Book, xã Đăk Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: thôn, xã	Đối tượng hưởng			Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/tháng (đồng)	Gạo được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn được hỗ trợ/Năm (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/Năm (đồng)	Gạo được hỗ trợ /Năm (kg)
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở địa hình cấp trở, giao thông đi lại khó khăn (1)	Con hộ nghèo (1)								
24	Nguyễn Võ Trúc Linh	x	18/06/2017	3B	Tày	Thôn Liêm, xã xã Xốp	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
25	Nguyễn Ngọc Huyền Châu	x	02/09/2017	3B	Kinh	Thôn dùi, xã xã Xốp	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
26	Xiêng Đức Bình		18/01/2017	3C	Gié Triêng	Thôn Măng Khên, xã Đăk Blo	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
27	A Niểc		14/05/2017	3C	Gié Triêng	Thôn Đăk Nớ, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
28	Y Đình Chi	x	01/09/2017	3C	Gié Triêng	Thôn Đăk Nớ, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
29	A Nguyên		17/11/2017	3C	Gié Triêng	Thôn Đăk Nớ, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
30	Y Tới	x	17/05/2017	3C	Gié Triêng	Thôn Đăk Nớ, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
31	Y Lê Lân	x	04/06/2017	3C	Gié Triêng	Thôn Đăk Nớ, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
32	Bùi Đình Thiên Ái	x	23/11/2017	3C	Kinh	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
33	Trần Công Phi Long		14/03/2017	3C	Kinh	Thôn Bung Kroong, xã Đăk Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
34	Võ Huy Phúc Thịnh		18/12/2017	3C	Kinh	Thôn Lua, xã xã Xốp	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
35	Xiêng Lăng Đạo		13/04/2017	3D	Gié - Triêng	Thôn Đăk Bề, xã Ngọc Linh	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
36	A Trọng Bình		16/02/2016	4B	Gié Triêng	Thôn Róoc Mệt, xã Đăk Blo	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
37	Nguyễn Như Hoàng Đăng		05/06/2016	4C	Kinh	Thôn Man, xã xã Xốp	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
38	Y Ngân	x	05/03/2014	4C	Dê	Thôn Đông Lốc, xã Đăk Blo	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
39	Nông Ngọc Linh Đan	x	19/09/2016	4C	Tày	Thôn Kung Rang, xã Ngọc Linh	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
40	Y Hằng	x	01/9/2016	4D	Gié Triêng	Thôn Đăk Nớ, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
41	Y Lâm	x	16/09/2016	4D	Gié Triêng	Thôn Đăk Nớ, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
42	A Thuật		07/9/2015	4D	Gié Triêng	Thôn Đăk Nớ, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
43	Bloong Toán		28/05/2016	4D	Gié Triêng	Thôn Đăk Nớ, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
44	A Thuyết		06/7/2016	4D	Gié Triêng	Thôn Đăk Nớ, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
45	A Vinh		14/05/2016	4D	Gié Triêng	Thôn Đăk Nớ, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
46	A Nhon		18/09/2014	5A	Gié-Triêng	Thôn Đăk Nớ, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
47	Y Hạnh	x	15/01/2015	5A	Gié-Triêng	Thôn Đông Lốc, xã Đăk Blo	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
48	Phạm Trung Phong		28/10/2015	5A	Kinh	Thôn Măng Khên, xã Đăk Blo	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
49	Y Mai Diệp	x	09/07/2015	5A	Gié - Triêng	Thôn Đăk Bề, xã Ngọc Linh	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
50	Cao Y Minh Hồng	x	06/10/2015	5B	Gié - Triêng	Thôn Pêng Lang, xã Đăk Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: thôn, xã	Đối tượng hưởng			Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/tháng (đồng)	Gạo được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn được hỗ trợ/Năm (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/Năm (đồng)	Gạo được hỗ trợ /Năm (kg)
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (1)	Con hộ nghèo (1)								
51	Kring Sa Thiện An		06/08/2015	5B	Dê	Thôn Đông Lốc, xã Đăk Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
52	A Minh Đức		18/10/2015	5B	Giê-Triêng	Thôn Bla, xã xã Xốp	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
53	Y Quỳnh	x	19/11/2015	5B	Giê-Triêng	Thôn Đăk Nớ, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
54	Y Như Ý	x	23/05/2015	5B	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
55	Y Bảo Trân	x	30/12/2015	5C	Giê - Triêng	Thôn xã, xã Đăk Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
56	A Nê		17/6/2015	5C	Giê-Triêng	Thôn Đăk Nớ, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
57	Y Phẩm	x	01/01/2015	5C	Giê-Triêng	Thôn Đăk Nớ, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
58	A Danh		23/07/2015	5D	Giê-Triêng	Thôn Đăk Nớ, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
59	Y Mẫn	x	09/11/2015	5D	Giê-Triêng	Thôn Đăk Nớ, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
Tổng							59	-	-	-	55.224.000	21.240.000			500.760.000	192.600.000	8.025

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC XÉT DUYỆT HƯỞNG CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THEO NGHỊ ĐỊNH
SỐ 66/2025/NĐ-CP NGÀY 12/3/2025 CỦA CHÍNH PHỦ, NĂM HỌC 2025-2026
TRƯỜNG TH&THCS LÝ TỰ TRỌNG

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: thôn, xã	Đối tượng hưởng			Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/tháng (đồng)	Gạo được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn được hỗ trợ/Năm (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/Năm (đồng)	Gạo được hỗ trợ /Năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở địa hình cách trở; giao thông đi lại khó khăn (1)	Con hộ nghèo (1)									
1	A Thái An		28/03/2019	1A	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	10	9.360.000	3.600.000	150	
2	A Ân Hường		16/09/2019	1A	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	10	9.360.000	3.600.000	150	
3	Na Thảo My	x	01/01/2019	1A	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	10	9.360.000	3.600.000	150	
4	A Băng		14/08/2018	2A	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
5	A Minh Đạt		02/04/2018	2A	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
6	A Minh Kiên		27/11/2018	2A	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
7	A San Mi		28/12/2018	2A	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
8	A Ngao		10/01/2018	2A	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
9	A An Sai		13/03/2018	2A	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
10	A Quốc Thành		07/02/2018	2A	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
11	An Na Mèk		01/01/2018	2A	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
12	Y Thiên Kim	x	17/11/2018	2A	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
13	A Phi Long		29/01/2017	2A	Giê Triêng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
14	Y Vân My	x	10/03/2018	2A	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
15	Na Gia Mìn		16/05/2018	2B	Giê Triêng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
16	A Na Thuyền		14/04/2018	2B	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
17	A Phê Sô		24/12/2018	2B	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
18	A Gia Bách		02/08/2018	2B	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
19	Y Trang Thư	x	31/10/2018	2B	Giê Triêng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
20	A Minh Đăng		27/02/2017	2B	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
21	Y Mỹ Hạnh	x	21/12/2017	3A	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
22	A Thiên		02/09/2017	3A	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
23	Y Sum	x	05/06/2017	3A	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
24	A Thiện Nhân		14/01/2017	3A	Giê -Triêng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
25	A Minh Luân		22/12/2017	3A	Xơ Đăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
26	A Kiều		09/03/2017	3A	Xơ Đăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: thôn, xã	Đối tượng hưởng			Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/tháng (đồng)	Gạo được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn được hỗ trợ/Năm (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/Năm (đồng)	Gạo được hỗ trợ /Năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở địa hình cấp trở, giao thông đi lại khó khăn (1)	Con hộ nghèo (1)									
27	Y Huệ	x	13/09/2017	3A	Xơ Đăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
28	Y Mĩ	x	18/07/2017	3A	Xơ Đăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
29	Y Minh Hằng	x	11/02/2017	3A	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
30	A Minh Dục		07/05/2017	3A	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
31	Na Sơ Uynh	x	06/10/2017	3A	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
32	Y Phương Mi	x	20/12/2017	3A	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
33	A Minh Hạo		13/03/2017	3B	Xơ Đăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
34	Y Mỹ Loang	x	01/03/2017	3B	Xơ Đăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
35	A Bình Dương		22/01/2017	3B	Xơ Đăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
36	Mai Thị Thanh Lam	x	18/08/2017	3B	Kinh	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
37	A Thịnh		01/07/2016	3B	Xơ Đăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
38	A Hoàng Phàm		16/05/2017	3B	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
39	A Hữu Thiện		14/10/2017	3B	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
40	A Hoàng Tinh		04/12/2017	3B	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
41	Y Mai Hương	x	09/06/2017	3B	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
42	A Lâm		01/01/2016	3B	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
43	A Xô La		20/10/2016	3B	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
44	A Dũng Sân		23/02/2017	3C	Xơ Đăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
45	Y Minh Hoan	x	15/07/2017	3C	Xơ Đăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
46	Y Mỹ Ương	x	09/06/2017	3C	Xơ Đăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
47	A Công Hiến		22/01/2016	3C	Xơ Đăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
48	A Anh Lực		27/05/2017	3C	Xơ Đăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
49	Y Ngọc Quỳnh	x	16/08/2017	3C	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
50	A Huy		10/12/2016	3C	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
51	Y Ngọc Diễm	x	29/05/2017	3C	Xơ Đăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
52	A Phiên		05/04/2016	3C	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
53	A Min Hoàng		04/07/2017	3C	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
54	Y Minh Thu	x	07/10/2017	3C	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
55	A Minh Ủy		08/09/2017	3C	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
56	A Kiều		04/12/2017	3C	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: thôn, xã	Đối tượng hưởng			Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/tháng (đồng)	Gạo được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn được hỗ trợ/Năm (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/Năm (đồng)	Gạo được hỗ trợ /Năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (1)	Con hộ nghèo (1)									
57	A Thiếp		27/07/2017	3C	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
58	A Sĩ		25/09/2016	3C	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
59	Y Nga	x	29/11/2016	4A	Xơ-dăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
60	Y Lê Mai	x	22/04/2016	4A	Xơ-dăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
61	A Liên		01/01/2016	4A	Xơ-dăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
62	A Thiên		18/6/2016	4A	Xơ-dăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
63	A Nghinh		15/4/2016	4A	Xơ-dăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
64	A Thịnh Luân		17/6/2016	4A	Xơ-dăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
65	Y Bảo Trâm	x	24/2/2016	4A	Xơ-dăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
66	A An Kiệt		26/4/2016	4A	Xơ-dăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
67	A Ân Tứ		02/8/2016	4A	Xơ-dăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
68	Y Thung	x	15/4/2016	4A	Xơ-dăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
69	Y Hiền Thục	x	24/1/2016	4A	Xơ-dăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
70	A Nhật Quân		03/8/2015	4A	Xơ-dăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
71	Y Mỹ Oanh	x	22/3/2016	4A	Xơ-dăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
72	Y Si Rinh	x	04/01/2015	4A	Xơ-dăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
73	Y Thúy Hằng	x	03/3/2016	4A	Xơ-dăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
74	Y Phi Yến	x	01/1/2016	4A	Xơ-dăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
75	A Phúc Thọ		04/1/2016	4A	Gié-Triêng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
76	Y Uyên Doanh	x	09/10/2016	4A	Xơ-dăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
77	Y Lệ Hằng	x	24/09/2015	4B	Xơ Đăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
78	A Su Nin		18/02/2015	4B	Gié - Triêng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
79	Y Mến	x	10/11/2016	4B	Xơ Đăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
80	Y Kha Lin	x	02/06/2016	4B	Xơ Đăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
81	Y Lệ Thuý	x	28/08/2016	4B	Xơ Đăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
82	Y Hữu	x	26/07/2016	4B	Xơ Đăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
83	A Thanh Bình		22/11/2016	4B	Gié - Triêng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
84	A Gia Bìn		12/11/2016	4B	Xơ Đăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
85	A Hoàng Doanh		01/08/2016	4B	Xơ Đăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
86	A Thiên Lý		04/09/2016	4B	Xơ Đăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: thôn, xã	Đối tượng hưởng			Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/tháng (đồng)	Gạo được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn được hỗ trợ/Năm (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/Năm (đồng)	Gạo được hỗ trợ /Năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở địa hình cấp trở, giao thông đi lại khó khăn (1)	Con hộ nghèo (1)									
87	Y Na Diễm	x	28/12/2016	4B	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
88	A Vinh		15/03/2016	4B	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
89	Y Ngọc Tuyết	x	08/09/2016	4B	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
90	Y Minh Chung	x	15/01/2016	4B	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
91	Y Luyện	x	23/06/2016	4B	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
92	A Công Phụng		09/01/2016	4B	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
93	A La Lâm		16/09/2016	4B	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
94	Y Ma Li Oanh	x	02/07/2016	4B	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
95	Y Hà Đông	x	25/01/2015	5A	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
96	A Mạnh Hưng		20/03/2015	5A	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
97	Y Ngọc Lan	x	04/10/2015	5A	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
98	Y Lệ	x	'06/09/2015	5A	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
99	A La Lượng		25/03/2014	5A	Giê Triêng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
100	Y Na Phô	x	12/08/2015	5A	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
101	A Thương Tiến		06/01/2015	5A	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
102	Y Soan Trân	x	09/02/2015	5A	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
103	A Minh Trí		22/07/2015	5A	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
104	Y Lan Phương	x	16/07/2015	5A	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
105	A Tiêm		27/10/2013	5A	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
106	A Ju Li		09/03/2015	5A	Xơ Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
107	A Na Dem		25/02/2015	5B	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
108	Y Kheo	x	08/9/2013	5B	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
109	A Na Phú		23/01/2015	5B	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
110	A Tin		22/01/2015	5B	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
111	Y Ngọc Tình	x	10/12/2015	5B	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
112	A Tuyển		10/11/2015	5B	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
113	Y Xích	x	20/5/2015	5B	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
114	A Linh		15/12/2014	5B	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
115	A An Bình		06/5/2015	5B	Xơ-Đăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: thôn, xã	Đối tượng hưởng			Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/tháng (đồng)	Gạo được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn được hỗ trợ/Năm (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/Năm (đồng)	Gạo được hỗ trợ /Năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (1)	Con hệ nghèo (1)									
116	A Bình Công		12/8/2015	5B	Xơ-Đăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
117	A Dương Khanh		22/10/2015	5B	Xơ-Đăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
118	A Bên Gia Mìn		06/3/2015	5B	Giê-Triêng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
119	Y Minh Nhật	x	17/02/2015	5B	Xơ-Đăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
120	A Lê Thắng		11/01/2015	5B	Giê-Triêng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
121	Y Thòa	x	05/7/2015	5B	Xơ-Đăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
122	A Nhon Tinh		12/11/2015	5B	Xơ-Đăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
123	Y Bích	x	16/06/2014	6A	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
124	Y Đê	x	15/02/2013	6A	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
125	A Khai		08/05/2023	6A	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
126	A Khiên		07/08/2013	6A	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
127	A Khoa		28/12/2013	6A	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
128	A Khúc		30/01/2014	6A	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
129	A Lân		28/04/2011	6A	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
130	Y Na Nghi	x	14/09/2014	6A	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
131	A Phong		08/06/2014	6A	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
132	Y Ngọc Tuyền	x	05/03/2014	6A	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
133	A Tứ		03/09/2014	6A	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
134	A Ngã Ba		30/09/2011	6B	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
135	A Huỳnh		01/08/2012	6B	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
136	Y Ly Rin	x	14/01/2014	6B	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
137	Y Sát	x	16/04/2013	6B	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
138	Y Ngọc Tâm	x	24/04/2014	6B	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
139	A Thánh		16/10/2014	6B	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
140	A Thê		12/10/2014	6B	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
141	A Vinh		27/09/2012	6B	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
142	A Xứ		17/12/2014	6B	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
143	A Nhan		26/06/2014	6B	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
144	Y Điệp	x	16/08/2013	7A	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
145	A Na Dương		18/10/2012	7A	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: thôn, xã	Đối tượng hưởng			Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/tháng (đồng)	Gạo được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn được hỗ trợ/Năm (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/Năm (đồng)	Gạo được hỗ trợ /Năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (1)	Con hệ nghèo (1)									
146	Y Ly Lam	x	24/09/2013	7A	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
147	Y Trí	x	09/01/2013	7B	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
148	Y Thuận	x	25/12/2012	7B	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
149	Y Nguyệt	x	09/05/2013	7B	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
150	Y Sáo	x	02/09/2013	7B	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
151	A Trường		03/3/2011	8A	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
152	A Tem		21/09/2011	8A	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
153	Y Bình	x	21/06/2012	8A	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
154	Y Khảo	x	10/11/2012	8A	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
155	Y Hiêm	x	8/2/2012	8A	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
156	Y Yến Chí	x	23/09/2011	8A	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
157	Y Trênh	x	5/11/2011	8A	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
158	A Sun A		28/01/2010	8B	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
159	A Y Biểu	x	21/6/2012	8B	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
160	A Dong		08/3/2011	8B	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
161	Y Lum	x	28/9/2012	8B	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
162	A Lý		15/09/2012	8B	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
163	Y Ly Ngọc	x	25/9/2011	8B	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
164	A Nguyên		23/5/2011	8B	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
165	Y Minh Châu	x	16/4/2011	9A	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
166	Y Lan	x	15/10/2011	9A	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
167	Y Du Niên	x	04/3/2011	9A	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
168	Y Xia	x	01/4/2011	9A	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
169	A Sầu		29/01/2011	9B	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
170	A Kiêm		29/01/2009	9B	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
171	Y Phương	x	19/03/2011	9B	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
172	Y Luyện	x	16/08/2009	9B	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
173	Y Phem	x	15/01/2011	9B	Xơ-Đăng	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
Tổng							125	48			161.928.000	62.280.000			1.460.160.000	561.600.000	23.400	0

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC XÉT DUYỆT HƯỞNG CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THEO NGHỊ ĐỊNH
SỐ 66/2025/NĐ-CP NGÀY 12/3/2025 CỦA CHÍNH PHỦ, NĂM HỌC 2025-2026
TRƯỜNG THCS XÃ ĐẮK PÉK

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: thôn, xã	Đối tượng hưởng			Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/tháng (đồng)	Gạo được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn được hỗ trợ/Năm (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/Năm (đồng)	Gạo được hỗ trợ /Năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (1)	Con hộ nghèo (1)									
1	Y Nhực Lan	x	28/07/2014	6A1	Gié - Triêng	Thôn Đắc Ven, xã Đắc Pék			1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
2	Trần Thảo Ni	x	05/02/2014	6A1	Kinh	Thôn Xốp Dùi, xã Xốp	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
3	Lê Hoàng Thiện		31/07/2014	6A1	Kinh	Thôn La Lua, xã Xốp	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
4	Nguyễn Thị Thùy Linh	x	23/01/2014	6A1	Gié - Triêng	Thôn Pêng Lang, xã Đắc Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
5	Trương Thị Thục Quyên	x	15-02-2014	6A1	Kinh	Thôn Kon Liêm, xã Xốp	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
6	Trần Minh Quân		03/11/2014	6A1	Kinh	Làng Lung (xã Xã Ya Xiê- Sa Thầy), Xã Ya Ly, Quảng Ngãi	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
7	A Vê		25/10/2014	6A2	Gié - Triêng	Thôn Đắc Nớ, xã Đắc Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
8	A Cuộc		14/10/2014	6A3	Gié - Triêng	Thôn Đắc Nớ, xã Đắc Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
9	Y Dương Thơ	x	24/10/2014	6A5	Gié - Triêng	Thôn Đắc Ven, xã Đắc Pék			1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
10	Trần Ngọc Gia Hân	x	21/05/2013	7A1	Kinh	Thôn Làng Lung, Xã Ya Ly	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
11	Nguyễn Ngọc Hà Linh	x	28/10/2013	7A1	Kinh	Thôn Xốp Dùi, xã Xốp	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: thôn, xã	Đối tượng hưởng			Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/tháng (đồng)	Gạo được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn được hỗ trợ/Năm (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/Năm (đồng)	Gạo được hỗ trợ /Năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (1)	Con hộ nghèo (1)									
12	Trần Phước Lợi		02/07/2013	7A1	Kinh	Thôn Mô Man, xã Xốp	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
13	Y Ân Huệ	x	20/04/2013	7A1	Gié - Triêng	Thôn Đắc Sút, xã Đăk Môn	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
14	Y Thuý	x	12/05/2013	7A2	Gié - Triêng	Thôn Đắc Bê, xã Ngọc Linh	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
15	A Tiêu		06/01/2013	7A2	Gié - Triêng	Thôn Đắc Nớ, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
16	A Minh Khang		13/10/2013	7A3	Gié - Triêng	Thôn Xốp Nghét, xã Xốp	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
17	Y Gia Lin	x	24/06/2013	7A4	Gié - Triêng	Thôn Đắc Ven, xã Đăk Pék			1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
18	A Diệu Thiên Trung		12/06/2013	7A5	Gié - Triêng	Thôn Đắc Poi, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
19	Y Huy Phục	x	22/05/2013	7A5	Gié - Triêng	Thôn Đắc Ven, xã Đăk Pék			1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
20	Y Hiền	x	12/01/2012	8A1	Gié - Triêng	Thôn Đắc Nớ, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
21	Nguyễn Ngọc Minh Thu	x	12/04/2012	8A1	Gié - Triêng	Pêng Lang, xã Đăk Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
22	Trần Đình Trọng		10-09-2012	8A1	Kinh	Thôn Xốp Dùi, xã Xốp	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
23	Cao Minh Lượng		01/04/2012	8A1	Kinh	Thôn Mô Man, xã Xốp	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
24	A Ban		15/08/2012	8A2	Gié - Triêng	Thôn Đắc Nớ, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
25	A Đức		03/03/2012	8A2	Gié - Triêng	Thôn Đắc Nớ, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: thôn, xã	Đối tượng hưởng			Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/tháng (đồng)	Gạo được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn được hỗ trợ/Năm (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/Năm (đồng)	Gạo được hỗ trợ /Năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (1)	Con hộ nghèo (1)									
26	Y Năng	x	02/10/2012	8A2	Gié - Triêng	Thôn Đắc Nở, xã Đắc Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
27	A Trí		05/05/2012	8A2	Gié - Triêng	Thôn Đắc Nở, xã Đắc Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
28	Y Vy	x	08/06/2012	8A2	Gié - Triêng	Thôn Đắc Nở, xã Đắc Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
29	A Khôi		05/07/2012	8A2	Gié - Triêng	Thôn Đắc Nở, xã Đắc Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
30	A Thái		15/12/2012	8A3	Gié - Triêng	Thôn Đắc Nở, xã Đắc Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
31	A Tương		27/01/2011	8A3	Gié - Triêng	Thôn Đắc Nở, xã Đắc Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
32	A Dương Bích		26/07/2012	8A4	Gié - Triêng	Thôn Đắc Ven, xã Đắc Pék			1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
33	A Duy Lượng		07/10/2012	8A4	Gié - Triêng	Thôn Đắc Ven, xã Đắc Pék			1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
34	Trần Kim Anh		30/01/2011	9A1	Kinh	Thôn Kon BRôi, xã Xốp	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
35	A Hán		11/10/2011	9A2	Gié - Triêng	Thôn Đắc Nở, xã Đắc Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
36	Y Hai	x	02/12/2011	9A3	Gié - Triêng	Thôn Đắc Nở, xã Đắc Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
37	Y Hạnh	x	13/03/2011	9A3	Gié - Triêng	Thôn Đắc Nở, xã Đắc Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
38	Y Hoài	x	18/09/2011	9A3	Gié - Triêng	Thôn Đắc Nở, xã Đắc Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
39	A Khải		24/02/2011	9A3	Gié - Triêng	Thôn Đắc Nở, xã Đắc Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: thôn, xã	Đối tượng hưởng			Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/tháng (đồng)	Gạo được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn được hỗ trợ/Năm (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/Năm (đồng)	Gạo được hỗ trợ /Năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở địa hình cách trở; giao thông đi lại khó khăn (1)	Con hệ nghèo (1)									
40	A Quốc Khánh		02/05/2011	9A3	Gié - Triêng	Thôn Xốp Nghét, xã Xốp	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
Tổng							17	17	6		37.440.000	14.400.000			336.960.000	129.600.000	5.400	

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC XÉT DUYỆT HƯỞNG CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THEO NGHỊ ĐỊNH
SỐ 66/2025/NĐ-CP NGÀY 12/3/2025 CỦA CHÍNH PHỦ, NĂM HỌC 2025-2026
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: thôn, xã	Đối tượng hưởng			Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/tháng (đồng)	Gạo được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn được hỗ trợ/Năm (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/Năm (đồng)	Gạo được hỗ trợ /Năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở địa hình cấp trở, giao thông đi lại khó khăn (1)	Con hệ nghèo (1)									
1	Thái Đức Tiến		14/06/2014	6A	Kinh	Thôn Măng Khên, Xã Đăk Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
2	Nguyễn Thảo Nhi	x	27/02/2014	6A	Kinh	Thôn Đăk Mi, Xã Xốp	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
3	Lê Thị Thu Hoài	x	14/09/2014	6A	Kinh	Thôn Măng Khên, xã Đăk Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
4	Phan Gia Thảo Nhi	x	23/04/2014	6A	Kinh	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
5	Lang Thị Phương Chi	x	19/05/2014	6B	Thái	Thôn Làng Mới, xã Ngọc Linh	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
6	Vũ Thị Ngọc Hân	x	22/10/2014	6B	Kinh	Thôn Kon Brôi, Xã Xốp	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
7	Bùi Viết Quang Thiện		30/11/2014	6B	Kinh	Thôn Đăk Nhoong, xã Đăk Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
8	Trần Nguyễn Hải Đăng		24/12/2014	6B	Kinh	Thôn Măng Khên, xã Đăk Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
9	Y Ha Ni	x	27/10/2014	6B	Xơ đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
10	Nông Nhật Tân		17/12/2014	6C	Nùng	Thôn Ea Chiêu (xã Ea Tân, huyện Krông Năng, Đăk Lăk) Thôn Ea Chiêu, xã Dliê Ya, tỉnh Đăk Lăk			1		936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
11	A Thê Ru		11/08/2014	6C	Xơ đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
12	Y Hoài Nữ	x	15/03/2014	6C	Xơ đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
13	Y My Xa Ka	x	11/11/2014	6C	Xơ đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
14	Y Bích Thoá	x	19/03/2014	6C	Xơ đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
15	Phan Chung Nguyên		25/09/2014	6C	Kinh	Thôn Đăk Tung, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
16	Y Phương Lôi	x	23/10/2014	6C	Xơ đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
17	A Lương		05/10/2014	6C	Xơ đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
18	Y Théo	x	21/06/2014	6C	Xơ đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
19	A Thêu		23/02/2014	6C	Xơ đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
20	Y Thùy Tiên	x	14/05/2014	6C	Xơ đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
21	A Hậu		06/06/2014	6C	Xơ đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
22	Y Mỹ Lệ	x	10/06/2014	6C	Xơ đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
23	Y Đô Ny Phô	x	14/03/2014	6C	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: thôn, xã	Đối tượng hưởng			Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/tháng (đồng)	Gạo được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn được hỗ trợ/Năm (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/Năm (đồng)	Gạo được hỗ trợ /Năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở địa hình cấp trờ, giao thông đi lại khó khăn (1)	Con hộ nghèo (1)									
24	Vũ Hoàng Nam		08/04/2013	7A	Kinh	Thôn Đăk Tung, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
25	Trần Thu Hà	x	08/09/2013	7A	Kinh	Thôn Róoc Mẹt, xã Đăk Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
26	Phạm Văn Nam		07/12/2013	7A	Kinh	Thôn Đăk Book, xã Đăk Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
27	Nguyễn Nhã Uyên	x	19/07/2013	7A	Kinh	Thôn Dục Lang, xã Đăk Long	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
28	Phùng Ngọc Anh	x	23/12/2013	7B	Kinh	Thôn Đăk Ga, xã Đăk Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
29	Y Su Bin	x	01/03/2013	7B	Xơ Đăng	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
30	Nguyễn Vô Thiên Hương	x	11/02/2013	7B	Kinh	Thôn Kon Liêm, xã Xốp	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
31	Nguyễn Vĩ Anh Lâm		06/09/2013	7B	Kinh	Thôn Đông Lốc, xã Đăk Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
32	A Phạm An Thái		08/04/2013	7B	Xơ đăng	Thôn Đăk Bể, Xã Ngọc Linh	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
33	A Ly Bằng		24/09/2013	7C	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
34	Y Hay	x	01-12-2013	7C	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
35	A Thái Kiệt		04/07/2013	7C	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
36	A Nê Mi		03/03/2013	7C	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
37	Y Lê Mi	x	05/11/2012	7C	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
38	Y Xi Môn	x	27/11/2013	7C	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
39	Y Sô Ra	x	01/08/2013	7C	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
40	A Văn Tùng		22/09/2013	7C	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
41	Y Bửu Thạch	x	12/05/2013	7C	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
42	Y Thủy	x	02/02/2013	7C	Giê - Triêng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
43	A Hoàng Vũ		28/11/2013	7C	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
44	Vô Thị Thanh Xuân	x	31/12/2011	7C	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
45	Y Mây	x	02/07/2013	7C	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
46	A Trung Kiên		12/03/2013	7C	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
47	Y Ly Nhã	x	06/03/2013	7C	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
48	Y Sơ Tré	x	03/07/2013	7C	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
49	Nguyễn Long Vũ		13/12/2012	8A	Kinh	Thôn Măng Khên, Xã Đăk Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
50	Phan Ngọc Trà My	x	06/11/2012	8A	Kinh	Thôn Đăk Tung, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
51	Nguyễn Ngọc Quân		25/11/2012	8A	Kinh	Thôn Măng Khên, Xã Đăk Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: thôn, xã	Đối tượng hưởng			Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/tháng (đồng)	Gạo được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn được hỗ trợ/Năm (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/Năm (đồng)	Gạo được hỗ trợ /Năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (1)	Con hệ nghèo (1)									
52	Bùi Đình Thiên Ngân	x	14/02/2012	8A	Kinh	Thôn Chung Năng, xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
53	Nguyễn Thị Quỳnh Như	x	08/10/2012	8B	Kinh	Thôn Đăk Nór, Xã Đăk Pék	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
54	Nguyễn Minh Đăng		07/02/2012	8B	Kinh	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
55	Nguyễn Văn Hiếu		26/09/2012	8B	Kinh	Thôn Đăk Poi, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
56	A Sơ Ka		01/01/2012	8C	Xơ đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
57	Y Loan	x	27/12/2012	8C	Xơ đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
58	Y Nhật Viên	x	11/08/2012	8C	Xơ đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
59	Dương Trường Sơn		09/10/2012	8C	Kinh	Thôn Đăk Xi Na, Xã Xốp	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
60	Y Bảo Châu	x	8/5/2012	8C	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
61	A Lanh		11/1/2012	8C	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
62	A Hoàng Châu		14/06/2012	8C	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
63	A Hoàng Huynh		14/09/2012	8D	Xơ đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
64	A Đông Chu		18/07/2012	8D	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
65	A Quang Hiệ		27-05-2012	8D	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
66	Y Gia Linh	x	16/12/2012	8D	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
67	Y Mai	x	11/10/2012	8D	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
68	Trần Hải Đăng		17/1/2011	9A	Kinh	Thôn Kon Brôi, Xã Xốp	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
69	Lê Huy Hoàn		25/05/2011	9A	Kinh	Thôn Măng Khên, Xã Đăk Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
70	Nguyễn Kim Khánh	x	10/01/2011	9A	Kinh	Làng Bê Rê, Xã Xốp	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
71	Nguyễn Đình Minh Pháp		12/01/2011	9A	Kinh	Thôn Măng Khên, Xã Đăk Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
72	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trang	x	08/05/2011	9A	Kinh	Thôn Kon Brôi, Xã Xốp	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
73	Kiểu Võ Trà My	x	19/01/2011	9A	Kinh	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
74	Bùi Nữ Tuyết Trinh	x	28/10/2011	9A	Kinh	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
75	Nguyễn Phương Linh	x	15/06/2011	9A	Kinh	Thôn Long Nang, xã Đăk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
76	Đặng Ngọc Khang		09/09/2011	9B	Kinh	Thôn Xốp Dùi, Xã Xốp	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
77	Y Trương Ánh Trâm	x	21/04/2011	9B	Giê - Triêng	Thôn Đăk Ung, Xã Đăk Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
78	Đinh Xuân Minh		19/07/2011	9B	Kinh	Thôn Măng Khên, Xã Đăk Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
79	Võ Thị Yến Nhi	x	20/03/2011	9B	Kinh	Thôn La Lua, Xã Xốp	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: thôn, xã	Đối tượng hưởng			Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/tháng (đồng)	Gạo được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn được hỗ trợ/Năm (đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/Năm (đồng)	Gạo được hỗ trợ /Năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở địa hình cấp trở, giao thông đi lại khó khăn (1)	Con hộ nghèo (1)									
80	Hoàng Văn Việt Khải		13/10/2011	9B	Kinh	Thôn Măng Khên, Xã Đắk Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
81	Y Nhung	x	12/05/2011	9C	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đắk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
82	A Sa Un Su		06/11/2011	9C	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đắk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
83	Y Lý Thuỷ Uyên	x	25/05/2011	9C	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đắk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
84	A Na Ghên		05/01/2011	9C	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đắk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
85	Y Kiêu	x	04/10/2011	9C	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đắk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
86	Y Sôn Hy	x	19-08-2010	9C	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đắk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
87	Bế Y Ngọc Anh	x	02/09/2011	9C	Giê - Triêng	Thôn Bung Koong, xã Đắk Plô	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
88	Y Mộng Tím	x	22/10/2011	9C	Xơ đăng	Thôn Long Nang, xã Đắk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
89	A Dô Sa Phan		28/08/2011	9C	Xơ đăng	Thôn Long Nang, xã Đắk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
90	Y Thẩm	x	17/10/2011	9C	Xơ đăng	Thôn Long Nang, xã Đắk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
91	Y Bích Hữu	x	02/03/2011	9D	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đắk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
92	Y Lê Wuynh	x	23-11-2011	9D	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đắk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
93	Y Nay Diễm Hương	x	23/10/2011	9D	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đắk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
94	Y Lệ Nga	x	27/12/2011	9D	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đắk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
95	Y Phiêu	x	24/08/2011	9D	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đắk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
96	A Triệu Huỳnh		07/02/2011	9D	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đắk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
97	A Cạn		04/10/2011	9D	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đắk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
98	A Doanh		07/09/2010	9D	Xơ Đăng	Thôn Long Nang, xã Đắk Pék		1			936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
Tổng							33	64	1		91.728.000	35.280.000			825.552.000	317.520.000	13.230	